

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2022/HS-PT
Ngày: 22 - 3 - 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn San.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Hùng Long và bà Nguyễn Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 10/2022/TLPT-HS ngày 08 tháng 02 năm 2022, đối với bị cáo Hoàng Văn K; do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 104/2021/HS-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Bị cáo có kháng cáo: **Hoàng Văn K**, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số nhà 134, Khu 1, phường N, thành phố H, tỉnh H; nghề nghiệp: nhân viên Công ty Cổ phần Lilama 69-3; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn Đ và bà Nguyễn Thị M; có vợ là Trần Thị P và 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 01/7/2021 đến ngày 10/7/2021 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt tại phiên toà.

- **Bị hại:** Công ty Cổ phần L; địa chỉ: Số 515, đường Điện Biên Phủ, phường B, thành phố H, tỉnh H; người đại diện theo pháp luật: ông Cao Viết C - chức vụ: Tổng Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Quốc K - chức vụ: Phó Tổng giám đốc; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. NCQLNVLQ1 - sinh năm 1979; nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện S, Thành phố H; vắng mặt.

2. NCQLNVLQ2 - sinh năm 1993; nơi cư trú: xóm Đ, xã B, thành phố S, tỉnh T; vắng mặt.

3. NCQLNVLQ3 - sinh năm 1975; nơi cư trú: Số nhà 540, tổ dân phố T, phường L, thành phố S, tỉnh T; vắng mặt.

4. NCQLNVLQ4 - sinh năm 1975; nơi cư trú: thôn Q, xã K, huyện K, tỉnh H; vắng mặt.

5. NCQLNVLQ5 - sinh năm 1977; nơi cư trú: thôn V, xã Q, huyện T, tỉnh H; có mặt.

6. NCQLNVLQ6 - sinh năm 1970; nơi cư trú: thôn V, xã T, huyện V, thành phố H; có mặt.

7. NCQLNVLQ7 - sinh năm 1981; nơi cư trú: thôn N, xã Q, huyện T, tỉnh H; có mặt.

8. NCQLNVLQ8 - sinh năm 1986; nơi cư trú: tổ dân phố Y, phường B, thị xã N, tỉnh T; vắng mặt.

9. NCQLNVLQ9 - sinh năm 1956; nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh H; vắng mặt.

10. NCQLNVLQ10 - sinh năm 1984; nơi cư trú: Khu 1, phường N, thành phố H, tỉnh H; vắng mặt.

11. NCQLNVLQ11; địa chỉ: Khu B, khu công nghiệp Sông Công, phường B, thành phố S, tỉnh T; người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn M - chức vụ: Giám đốc; người đại diện theo ủy quyền: bà Phan Thu D - chức vụ: Trợ lý Tổng giám đốc NCQLNVLQ11; có đơn xin vắng mặt.

12. NCQLNVLQ12 - sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ 3, phường L, thành phố S, tỉnh T; vắng mặt.

13. NCQLNVLQ13; địa chỉ: Tổ 5, phường G, thành phố T, tỉnh T; người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Duy H - chức vụ: Giám đốc; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. NLC1; vắng mặt.

2. NLC2; vắng mặt.
3. NLC3; vắng mặt.
4. NLC4; vắng mặt.
5. NLC5; vắng mặt.
6. NLC6; vắng mặt.
7. NLC7; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần L (sau đây gọi tắt là Công ty L) là công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần ngày 25/5/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/5/2018. Ngày 29/11/2019, Công ty Li ký kết Hợp đồng kinh tế số 291119/XT-Lilama 69-3 với Công ty Cổ phần xi măng Xuân Thành (sau đây gọi tắt là Công ty Xuân Thành) về việc gia công, chế tạo lắp đặt hoàn thiện thiết bị cơ khí, kết cấu thép, phần điện, vật liệu chịu lửa cho dự án xi măng Xuân Thành 3 đặt tại nhà máy xi măng Xuân Thành có địa chỉ tại thôn Bồng Lạng, xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Ngày 26/12/2019, Công ty Lilama ra quyết định thành lập Ban dự án xi măng Xuân Thành 3 (gọi tắt là Dự án Xuân Thành 3) và phân công trách nhiệm các bộ phận thi công, lắp đặt. Trong đó, bộ phận vật tư có trách nhiệm nhận thiết bị gia công, chế tạo của các đơn vị chế tạo giao tại công trường và làm thủ tục bàn giao lại cho chủ đầu tư; làm thủ tục nhận thiết bị, vật tư của chủ đầu tư và cấp cho đơn vị lắp đặt theo yêu cầu của đơn vị lắp đặt; quyết toán thiết bị, vật tư lắp đặt đã giao nhận với các đơn vị lắp đặt và chủ đầu tư. Để thuận tiện cho công tác quản lý và công tác thi công, lắp đặt, ngày 30/5/2020 Công ty Xuân Thành và Công ty Lilama họp thống nhất nội dung: “Để thuận tiện cho công tác quản lý hàng gia công chế tạo khi đã chuyển vào công trường và công tác lắp đặt sau này, hai bên thống nhất như sau: sau khi LILAMA 69-3 bàn giao hàng gia công chế tạo cho XMXT, XMXT sẽ bàn giao lại ngay cho LILAMA 69-3 để vận chuyển về bãi tập kết trong công trường quản lý và thực hiện công tác lắp đặt”. Theo đó, vật tư, thiết bị phục vụ thi công dự án đều được chuyển về tập kết tại các bãi vật tư của Công ty Lilama đặt trong Công ty Xuân Thành để Công ty Lilama quản lý và thi công lắp đặt.

Hoàng Văn K là nhân viên hợp đồng (hợp đồng không xác định thời hạn ký ngày 01/01/2018) của Công ty Lilama. Ông Nguyễn Quốc K - Phó Tổng giám đốc

Công ty Lilama được Công ty Lilama giao kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Ban dự án xi măng Xuân Thành 3; NCQLNVLQ4 nhân viên Công ty Lilama được điều động đến Ban dự án xi măng Xuân Thành 3, giữ chức vụ Trưởng Bộ phận vật tư của dự án; Hoàng Văn K được điều động đến Ban dự án xi măng Xuân Thành 3 kể từ ngày 01/6/2020. Theo sơ đồ tổ chức và Quy định số 01-2020/DAXMXT III/LILAMA 69-3 ngày 01/6/2021 của Ban dự án, danh sách phân công nhiệm vụ ngày 18/6/2020 của Giám đốc Ban dự án thì Hoàng Văn K là nhân viên thuộc Bộ phận vật tư, có nhiệm vụ thực hiện công tác vật tư theo sự phân công của Trưởng Bộ phận. Trên thực tế, NCQLNVLQ4 và K đã thống nhất, phân công nhiệm vụ: trong các ngày nghỉ thì K và NCQLNVLQ4 luân phiên trực ở Bộ phận vật tư, ca trực của ai thì người đó chịu trách nhiệm quản lý, có toàn quyền xuất, nhập vật tư, thiết bị. Việc xuất, nhập vật tư trong ca trực của K không cần thông báo qua NCQLNVLQ4, việc này đã được lãnh đạo Ban dự án nhất trí thông qua bằng lời nói. Ngày 15/6/2020, Công ty Lilama nhập lô hàng tám lót phễu đá vôi (ký hiệu 111.FY 050) là các tấm tôn thép có độ dày 2,5 cm, đã được cắt thành nhiều hình dạng, bề mặt mỗi tấm đều được đục các lỗ tròn đường kính 03cm (mác vật liệu ASTM A36), tổng khối lượng 22.860kg từ Công ty Cổ phần Lilama 69-1 để thi công lắp đặt tại Dự án Xuân Thành 3 và bàn giao cho Công ty Xuân Thành, theo như thỏa thuận thống nhất từ trước giữa 02 công ty. Công ty Xuân Thành đã giao lô hàng trên cho Công ty Lilama tập kết tại Bãi vật tư số 1 của Công ty Lilama đặt ở dây chuyền 2 nhà máy xi măng Xuân Thành, để Công ty Lilama quản lý, thi công lắp ráp.

Ngày 24/01/2021, Hoàng Văn K trực tại Bộ phận vật tư Dự án Xuân Thành 3. Khoảng 08 giờ cùng ngày, K liên lạc với NCQLNVLQ5 để điều động NCQLNVLQ5 cùng tổ máy cẩu gồm các NCQLNVLQ8, NCQLNVLQ6, NCQLNVLQ7 là công nhân móc cáp đến Bãi vật tư số 1 để dọn dẹp. Tại đây, K thông báo cho trực bảo vệ tại Bãi vật tư số 1 là NCQLNVLQ9 để cho nhóm cẩu dọn dẹp, rồi chỉ đạo cẩu 01 kiện hàng xếp trên kiện hàng ký hiệu 111.FY 050 đặt sang bên cạnh. Khoảng 9 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi cẩu xong, Kiên và nhóm cẩu đang ngồi nghỉ, uống nước thì NLC4 là người làm nhiệm vụ quản lý xe máy cẩu tại Ban dự án đi đến. Thấy K và nhóm công nhân đã cẩu xong, thì NLC4 yêu cầu NCQLNVLQ8 đưa máy cẩu về công trường để phục vụ công việc, còn K và các NCQLNVLQ5, NCQLNVLQ7, NCQLNVLQ6 về khu tập thể của Công ty Lilama nghỉ ngơi.

Khoảng hơn 11 giờ cùng ngày, K điều khiển xe mô tô BKS 99H4-2226 đi ra quán nước cạnh cây xăng Dầu khí Ninh Bình, chi nhánh Hà Nam ở ngã tư Xuân Thành, thuộc địa phận thôn Phú Gia, xã Thanh Nguyên, huyện Thanh Liêm để hỏi

xe khách về thành phố Hải Dương. Tại đây, K ngồi cạnh NCQLNVLQ1 là người đi thu mua sắt phế liệu, đi cùng NCQLNVLQ1 là NCQLNVLQ3 đang nằm nghỉ trên văng. Khi thấy NCQLNVLQ1 nói chuyện qua điện thoại về việc thu mua sắt phế liệu, thì Kiên nảy sinh ý định lợi dụng việc có quyền nhập, xuất vật tư trong ca trực để bán các tấm tôn thép tại Bãi vật tư số 1 của Công ty Lilama lấy tiền chi tiêu cá nhân. K bắt chuyện và hỏi NCQLNVLQ1: “*anh có phải bên thu mua phế liệu hay không?*”, NCQLNVLQ1 trả lời: “*vâng, đúng rồi*”, K hỏi tiếp: “*thế anh có mua sắt phế liệu bên trong công trường xi măng Xuân Thành không?*”, NCQLNVLQ1 hỏi lại: “*loại sắt gì?*”, K nói: “*tấm tôn thừa, khoảng 22 tấn*”, NCQLNVLQ1 hỏi tiếp: “*thế có hình ảnh không?*”, K trả lời: “*không*”, thì NCQLNVLQ1 bảo: “*cũng không sao*”. Sau đó, K lại hỏi: “*giá sắt vụn bao nhiêu?*”, NCQLNVLQ1 trả lời: “*8.500 đồng/kg*”, thì K đồng ý bán cho NCQLNVLQ1 và nói: “*không có xe, chỉ hộ cầu và công nhân bốc hàng*”, NCQLNVLQ1 nói: “*thế cũng được, để anh gọi xe*”. Sau đó, thông qua mạng Facebook, NCQLNVLQ1 đã liên hệ trao đổi, thỏa thuận thuê xe của NCQLNVLQ2 để vận chuyển tôn thép từ Công ty Xuân Thành về thành phố Sông Công với giá cước 5.000.000 đồng. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, NCQLNVLQ2 là lái xe của NCQLNVLQ13, điều khiển xe ô tô tải BKS 20C-095.40 của Công ty đến khu vực quán nước ở địa phận thôn Phú Gia, xã Thanh Nguyên, huyện Thanh Liêm, thì K và NCQLNVLQ1 chỉ dẫn NCQLNVLQ2 điều khiển xe ô tô đến cân khối lượng xe tại trạm cân của cây xăng dầu khí Ninh Bình, chi nhánh Hà Nam ở thôn Phú Gia, xã Thanh Nguyên, huyện Thanh Liêm. Cân xe xong, Kiên điều khiển xe mô tô BKS 99 H4-2226 đi trước dẫn đường cho NCQLNVLQ2 điều khiển xe ô tô BKS 20C-095.40 đi vào trong Công ty Xuân Thành qua cổng số 2. Tại đây, K báo với NLC1 và NLC2 là nhân viên bảo vệ của Công ty Xuân Thành với nội dung “*trả hàng cho Lilama*”, thì anh Dương mở chướng ngại vật cho NCQLNVLQ2 điều khiển xe ô tô đi vào nhà máy Xuân Thành. Sau đó, K gọi điện thoại báo NCQLNVLQ5 điều động nhóm cầu lúc sáng đến Bãi vật tư số 1 để tiếp tục cầu hàng sẽ được trả công, thì NCQLNVLQ5 đồng ý. K tiếp tục chỉ dẫn cho NCQLNVLQ2 điều khiển xe ô tô tải đến Bãi vật tư số 1 của Công ty Lilama trong nhà máy xi măng Xuân Thành và đỗ ở đường cạnh Bãi vật tư số 1. Khi NCQLNVLQ5, anh NCQLNVLQ7, anh NCQLNVLQ6 và NCQLNVLQ8 điều khiển máy cầu đến, thì K ngồi lên vị trí trước cabin máy cầu chỉ đạo NCQLNVLQ5, anh NCQLNVLQ7, anh NCQLNVLQ6 móc cáp, còn NCQLNVLQ8 vận hành cầu, lần lượt cầu 11 tấm tôn thép mác ASTM A36 của lô hàng ký hiệu 111.FY050 lên xe ô tô tải BKS 20C-095.40 của NCQLNVLQ2. Quá trình cầu hàng thì NCQLNVLQ2 chụp lại hình ảnh các tấm thép gửi cho NCQLNVLQ1 qua ứng dụng Zalo theo như lời dặn của NCQLNVLQ1. Đến

khoảng 15 giờ cùng ngày, sau khi cầu xong 11 tấm tôn thép lên xe, nhóm cầu đi về khu tập thể; Kiên điều khiển xe mô tô đi ra cổng số 2 trước, NCQLNVLQ2 điều khiển xe chở tôn thép đi ra sau. Khi ra đến cổng, K chuẩn bị làm thủ tục cho xe ô tô của NCQLNVLQ2 qua cổng, thì thấy bảo vệ của Công ty Xuân Thành kiểm tra và cho xe qua cổng, nên K điều khiển xe mô tô đi về khu tập thể, còn NCQLNVLQ2 đưa xe ô tô tải đến trạm cân ở thôn Phú Gia, xã Thanh Nguyên, huyện Thanh Liêm như đã thống nhất từ trước với NCQLNVLQ1. Khi về đến khu tập thể, K đưa 2.000.000 đồng tiền bồi dưỡng nhóm thợ cầu cho NCQLNVLQ5, rồi thay quần áo, thuê xe ôm đèo ra trạm cân và cùng NCQLNVLQ1, NCQLNVLQ2 tiến hành cho cân xe. Sau khi đối trừ khối lượng xe xác định khối lượng tôn thép là 22.730kg, cả ba người quay lại khu vực quán nước. Tại đây, NCQLNVLQ1 xem phiếu cân rồi trả cho Kiên 193.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Kiên đi ra cửa quán nước trả 30.000.000 đồng cho 01 người đàn ông theo K khai tên Quý ở tỉnh Hưng Yên (Kiên không biết địa chỉ cụ thể) thông qua 01 nam thanh niên, do Kiên đã vay số tiền trên của Quý từ tháng 02/2020, rồi bắt xe khách về nhà tại thành phố Hải Dương. Số tiền bán tôn thép còn lại, Kiên đã chi tiêu cá nhân hết. Còn NCQLNVLQ1, sau khi trả tiền cho K đã bảo NCQLNVLQ3 đi cùng xe ô tô với NCQLNVLQ2 để chở số tôn thép đến bán cho NCQLNVLQ11 (sau đây viết tắt là NCQLNVLQ11). NCQLNVLQ3 đã liên hệ bán cho NCQLNVLQ11 thông qua NCQLNVLQ12, rồi lên xe ô tô tải BKS 20C-095.40 đi cùng NCQLNVLQ2 về NCQLNVLQ11; còn NCQLNVLQ1 một mình điều khiển xe ô tô đi về nhà. Đến nơi, NCQLNVLQ3 trả cho NCQLNVLQ2 5.000.000 đồng tiền cước vận chuyển. Song do đã muộn, nên NCQLNVLQ2 để lại toàn bộ số tôn thép trên xe ô tô ở NCQLNVLQ11, rồi đi về nhà. Đến khoảng 08 giờ ngày 25/01/2021, NCQLNVLQ2 quay lại NCQLNVLQ11, thì nhân viên công ty kiểm tra hàng hóa, chỉ dẫn cho NCQLNVLQ2 điều khiển xe đi cân tại trạm cân của công ty, xác định khối lượng tôn thép trên là 22.670kg. Sau đó, công nhân công ty vận chuyển số tôn thép trên vào kho, còn NCQLNVLQ2 điều xe ô tô BKS 20C-095.40 đi về và đưa phiếu cân cho NCQLNVLQ3. Sau đó, bộ phận kế toán của NCQLNVLQ11 chỉ số tiền 272.040.000 đồng cho NCQLNVLQ12 để chị Hương trả số tiền mua tôn thép nêu trên cho NCQLNVLQ3, rồi NCQLNVLQ3 đã trả cho NCQLNVLQ1.

Đến cuối tháng 4 năm 2021, Công ty L phát hiện bị mất số tôn thép nêu trên, nên đã trình báo cơ quan chức năng giải quyết. Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh Liêm đã tiến hành điều tra, khám nghiệm hiện trường và thu giữ vật chứng, gồm: 11 tấm tôn thép có độ dày 2,5cm, có các kích thước khác nhau, trên bề mặt đều có các lỗ tròn đường kính 03cm tại kho của NCQLNVLQ11; 01 xe mô tô nhãn hiệu MAGIC, biển kiểm soát 99H4-2226 kèm theo đăng ký xe do NCQLNVLQ4

tự nguyện giao nộp; số tiền 193.000.000 đồng do NCQLNVLQ10 (vợ bị cáo Hoàng Văn K) tự nguyện giao nộp để khắc phục hậu quả theo tác động của K.

Tại bản Kết NCQLNVLQ7 định giá tài sản số 32/KL-HĐĐGTS ngày 02/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Thanh Liêm kết NCQLNVLQ7: “Giá trị của 11 tấm tôn thép thường có mức vật liệu ASTM A36 do Trung Quốc sản xuất có độ dày 2,5cm có các lỗ tròn đường kính 3cm . . . và tổng trọng lượng của 11 tấm tôn thép trên là 22.670kg tại thời điểm ngày 24/01/2021 là 430.730.000 đồng (*giá nguyên vật liệu bao gồm công vận chuyển*) (bốn trăm ba mươi triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng)”.

Bản án hình sự sơ thẩm số 104/2021/HS-ST ngày 30/12/2021, Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam đã áp dụng điểm d khoản 2 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố: bị cáo Hoàng Văn K phạm tội “Tham ô tài sản”. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn K 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là 01/7/2021.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 07/01/2022 bị cáo Hoàng Văn K có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hoàng Văn K, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm số 104/2021/HS-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam về phần hình phạt. Giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù về tội “Tham ô tài sản”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn K trong thời hạn luật định, có nội dung quy định tại khoản 2 Điều 332 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Hoàng Văn K đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài

liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết NCQLNVLQ7: Hoàng Văn K là nhân viên của Công ty Cổ phần Lilama 69-3, được giao nhiệm vụ làm việc tại Bộ phận vật tư thuộc Ban dự án xi măng Xuân Thành 3. Khoảng 13 giờ 30 phút NCQLNVLQ6 ngày 24/01/2021, lợi dụng nhiệm vụ được giao có toàn quyền xuất, nhập vật tư, thiết bị trong ca trực của mình; Kiên đã tự ý chiếm đoạt 11 tấm tôn thép mác ASTM A36 có tổng khối lượng 22.670kg, trị giá 430.730.000 đồng của Công ty Cổ phần Lilama 69-3, bán cho NCQLNVLQ1 với số tiền 193.000.000 đồng để trả nợ và tiêu xài cá nhân.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Tham ô tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 353 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thấy:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; đã tự nguyện khắc phục hậu quả; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có bố để được tặng thưởng Huy chương kháng chiến, bản thân bị cáo bị suy giảm khả năng lao động 31% do tai nạn lao động, đang được hưởng trợ cấp hàng tháng; cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên xét thấy quá trình xét xử phúc thẩm bị hại là Công ty Cổ phần L tiếp tục có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia đình bị cáo xuất trình căn cứ bố bị cáo được tặng thưởng Huân chương chiến công hạng ba đây là tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo phạm tội lần đầu, sau khi phạm tội đã khắc phục toàn bộ hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, thể hiện rõ thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử có căn cứ áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo để động viên bị cáo cải tạo tốt sớm được trở về cùng gia đình, xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo được cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo được cấp phúc thẩm chấp nhận nên bị cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Hoàng Văn K. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 104/2021/HS-ST ngày 30/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47, Điều 54 Bộ luật Hình sự; Điều 106 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn K 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ là 01/7/2021, về tội “Tham ô tài sản”.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Hoàng Văn K không phải nộp.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- TAND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THA huyện Thanh Liêm;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Công an huyện Thanh Liêm;
- Phòng NVHS Công an tỉnh Hà Nam;
- Trại Giam Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn San